

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2018/DS-PT

Ngày: 28-6-2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự  
vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Châu Thạch

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hữu Mừng  
Bà Vũ Thị Nguyệt

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Tổ – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:**  
Ông Hoàng Thế Trọng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2018/TLPT- DS ngày 04 tháng 5 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 23/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2018/QĐ-PT ngày 07/6/2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trương Thị D; cư trú tại đường T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

*Bị đơn:* Ông Hoàng Nam Đ; cư trú tại đường X, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại các bản tự khai của bà Trương Thị D thì vào ngày 21/9/2017 ông Hoàng Nam Đ có vay của bà 2.200.000.000đ, lãi suất 2%/ tháng (tức 4.400.000đ/ngày).

Theo bà D thì quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ chỉ mới trả được 1.900.000.000đ nợ gốc, cụ thể: ngày 22/9/2017 trả được 600.000.000đ, ngày 29/9/2017 trả 1.300.000.000đ, còn nợ lại 300.000.000đ. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ phải trả lại số tiền 300.000.000đ còn thiếu, không yêu cầu tính lãi.

Ông Đ thừa nhận có vay và trả nợ như bà D trình bày, nay đồng ý trả lại cho bà D số tiền gốc còn thiếu.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được do ông Đ vắng mặt.

Tại bản án số 09/2018/DS-ST ngày 23/3/2018 Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị D về việc kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Buộc ông Hoàng Nam Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trương Thị D số tiền nợ gốc là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Về án phí: ông Hoàng Nam Đ phải chịu 7.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm, bà D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0007053 ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Bản án còn tuyên về lãi suất thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 11/4/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 326/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án nói trên về phần quyết định nghĩa vụ thanh toán tiền lãi tương ứng với thời gian chưa thi hành án và phần án phí.

*Tại phiên tòa,*

Bà Trương Thị D cho rằng bà cho cả hai vợ chồng ông Hoàng Nam Đ, bà Phạm Kim A vay để đáo hạn Ngân hàng, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc vợ chồng ông Đ, bà Kim A phải cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 326/QĐKNPT-VKS-DS ngày 11/4/2018 đồng thời phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Giữa bà Trương Thị D và ông Hoàng Nam Đ có có xác lập giao dịch dân sự vay tài sản. Do bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là

“*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng việc vay nợ giữa các bên là có xảy ra trong thực tế, theo nội dung Giấy mượn tiền ngày 21/9/2017 thì thể hiện vợ chồng ông Hoàng Nam Đ, bà Phạm Kim A có vay của bà D số tiền 2.200.000.000đ, mục đích vay để trả nợ Ngân hàng BIDV, thỏa thuận ngày 22/9/2017 sẽ trả lại. Theo bà D thì quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay đã trả được 1.900.000.000đ, còn nợ lại 300.000.000đ, nay bà D yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn thiếu.

[3] Qua đánh giá toàn diện vụ án thì thấy rằng, tại Giấy mượn tiền ngày 21/9/2017 thì thể hiện họ tên “người mượn tiền” bao gồm vợ chồng ông Hoàng Nam Đ, bà Phạm Kim A, dù bà Kim A không ký tên vào Giấy mượn tiền nói trên nhưng mặt sau của Giấy mượn tiền này thể hiện “hẹn thứ 2 ngày 25 trả 1,6 tỷ, chưa tính lãi cho má. Sai hẹn má gọi cho Kim A”; quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm, ông Đ cho rằng số tiền vay nói trên là để đáo hạn cho khoản vay của vợ chồng ông Đ, bà Kim A tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng – Phòng Giao dịch Đức Trọng; dù bà Kim A không ký vào giấy mượn tiền nhưng giữa ông Đ và bà D cũng thống nhất nếu ông Đ không trả được tiền thì bà D sẽ báo cho vợ ông (tức bà Kim A) biết để hai bên thỏa thuận việc trả số nợ này.

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 182/2017/6823347/HĐTD ngày 19/4/2017 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng – Phòng Giao dịch Đức Trọng và vợ chồng ông Hoàng Nam Đ, bà Phạm Kim A thì vợ chồng ông Đ, bà Kim A được Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng – Phòng Giao dịch Đức Trọng cấp hạn mức tín dụng với số tiền 2.000.000.000đ, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, bên vay đã rút vốn theo bảng kê rút vốn hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 19/4/2017, thời hạn vay là 05 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân khoản vay đầu tiên, ngày thu nợ cuối cùng là 19/9/2017. Căn cứ vào Giấy ủy nhiệm chi số 0093 ngày 21/9/2017 của bà Dung chuyển tiền vào tài khoản của ông Đến tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng – Phòng Giao dịch Đức Trọng và nội dung Giấy mượn tiền ngày 21/9/2017 thì có cơ sở khẳng định số tiền vay 2.200.000.000đ nói trên là để ông Đ trả cho khoản nợ 2.000.000.000đ mà vợ chồng ông đã vay của Ngân hàng, đây là khoản nợ chung của vợ chồng ông Đ, bà Kim A; cũng trong ngày 21/9/2017 ông Đ lại rút số tiền vay là 2.000.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 182/2017/6823347/HĐTD ngày 19/4/2017 vừa nêu, điều này lại càng khẳng định lời trình bày của các đương sự về việc bà D cho vay tiền là để đáo hạn cho khoản vay tại Ngân hàng của vợ chồng ông Đ, bà Kim A là có cơ sở.

[4] Theo Công văn số 32/TA ngày 25/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng thì trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2017 -> ngày 30/3/2018 vợ chồng ông Đ, bà Kim A không có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tức là tại thời điểm này quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà Kim A vẫn còn tồn tại.

Theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “Trách nhiệm liên đới của vợ chồng:

1. Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các Điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này”.

Như vậy trong trường hợp này bà Kim A là vợ của ông Đ phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với ông Đ nếu nguyên đơn có yêu cầu.

[5] Trong thực tế Giấy mượn tiền có thể hiện tên bà Kim A và nội dung “hẹn thứ 2 ngày 25 trả 1,6 tỷ, chưa tính lãi cho má. Sai hẹn má gọi cho Kim A”; lẽ ra khi giải quyết vụ án cấp sơ thẩm phải làm rõ đó là khoản nợ chung hay nợ riêng, theo nội dung giấy mượn tiền ngày 21/9/2017 thì bà D cho vay 2.200.000.000đ nhưng bà D chỉ ủy nhiệm chi và chuyển vào tài khoản của ông Đ 2.000.000.000đ, nên cần phải làm rõ số tiền 200.000.000đ còn lại ông Đ vay để sử dụng vào mục đích gì, dùng cho sinh hoạt gia đình hay sử dụng riêng. Bà D yêu cầu như thế nào đối với khoản vay 200.000.000đ còn lại này; trong trường hợp bà D chỉ yêu cầu ông Đ có trách nhiệm trả nợ thì cũng cần phải đưa bà Kim A tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để làm rõ việc vay nợ vừa nêu và giải quyết triệt để vụ án.

[6] Do cấp sơ thẩm chưa làm rõ các vấn đề nói trên và đưa thiếu người tham gia tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[7] Do hủy án nên chưa xem xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Án phí dân sự sơ thẩm và lãi suất thi hành án sẽ được xem xét khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hủy bản án số 09/2018/DS-ST ngày 23/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” giữa bà Trương Thị D và ông Hoàng Nam Đ. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng;
- Dương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Châu Thạch**